

Số: /2024/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số
59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số
154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định
số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ
Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều
của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy
định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách trợ giúp xã hội
đối với đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra số

/BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã (sau đây là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây là Nghị định số 76/2024/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, gồm:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định sau:

Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS;

Cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS;

Cha hoặc mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng (người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi là vợ, chồng, con của người cao tuổi).

c) Người cao tuổi từ đủ 75 đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang sống tại xã, phường, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

d) Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 3 và 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang

sống tại xã, phường, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

đ) Đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội đang học nghề; học các trường trung cấp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất nếu quá 22 tuổi thì tiếp tục được hưởng các chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội cho đến khi hoàn thành khoá học, nhưng không quá 25 tuổi.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chính sách trợ giúp xã hội

1. Mức trợ cấp xã hội hằng tháng đối với đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này tại cộng đồng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP nhân với hệ số quy định như sau:

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này:

- Hệ số 2,5 đối với đối tượng dưới 4 tuổi;
- Hệ số 1,5 đối với đối tượng từ đủ 4 tuổi trở lên.

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này:

- Hệ số 1,5 đối với đối tượng từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi;
- Hệ số 2,0 đối với đối tượng từ đủ 80 tuổi trở lên.

c) Hệ số 1,0 đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

d) Hệ số 1,5 đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng các mức theo các hệ số khác nhau quy định tại khoản này hoặc tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất. Riêng đối tượng hưởng theo điểm a khoản này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

2. Mức trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng đối với mỗi đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này sống tại cơ sở trợ giúp xã hội, bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP nhân với hệ số 4.

3. Hỗ trợ chi phí mai táng:

a) Các đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng quy định tại khoản 1 Điều này khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng, mức hỗ trợ chi phí mai táng bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP.

b) Các đối tượng hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng quy định tại khoản 2 Điều này khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng, mức hỗ trợ chi phí mai táng bằng 50

lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP.

Trường hợp đối tượng được hỗ trợ chi phí mai táng quy định tại nhiều văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí đảm bảo

1. Kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội: Đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc cấp nào thì do ngân sách cấp đó đảm bảo trong dự toán chi đảm bảo xã hội.

2. Kinh phí thực hiện trợ giúp xã hội cho những đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên chi từ nguồn ngân sách nhà nước được giao trong dự toán hằng năm của Ủy ban các huyện, thị xã, thành phố và cơ sở trợ giúp xã hội theo phân cấp dự toán ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV, Kỳ họp thứ Mười sáu thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QLPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Điện Biên Phủ; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Cổng TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin-Hội nghị-Nhà khách tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương